

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-01-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, cấp dưỡng, chia tài sản chung,
nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Dũng;

2. Ông Hoàng Sỹ Thạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Chanh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên
Hải, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH tham gia phiên tòa: ông Nguyễn
Văn Đồng- kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh
Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 14
tháng 5 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng, chia tài sản và nợ
chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng
12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Kiên Ph, sinh năm 1988 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp BS, xã ĐC, huyện DH, tỉnh TV.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1988 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp Bào Môn, xã ĐC, huyện DH, tỉnh TV.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trầm Thị A, sinh năm 1964(có mặt)

Địa chỉ: ấp Bào Môn, xã ĐC, huyện DH, tỉnh TV.

- Ông Châu Thanh H, sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã ĐC, huyện DH, tỉnh TV.

- Ông Kiên R, sinh năm 1937 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BS, xã ĐC, huyện DH, tỉnh TV.

- Bà Thạch Thị D1, sinh năm 1944 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BS, xã ĐC, huyện DH, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03/5/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/8/2018 và tại biên bản hòa giải ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện D2ên Hải nguyên đơn anh Kiên Ph trình bày: anh và chị Huỳnh Thị Ngọc D tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐC, huyện DH vào ngày 09/3/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp BS, xã ĐC, huyện DH. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi, vợ chồng bất đồng quan điểm trong công việc. Tại phiên tòa hôm nay anh Ph trình bày thêm là do chị D thường điện thoại qua lại với người đàn ông khác, anh Ph không hài lòng và có nhắc nhở chị nhưng chị D không thay đổi nên vợ chồng thường cự cãi, mâu thuẫn trầm trọng hơn. Anh Ph nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, chính vì vậy anh Ph yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Huỳnh Thị Ngọc D.

Về con chung: Có hai con tên Kiên Thị Ngọc D1, sinh ngày 05/10/2009 và Kiên Thị Ngọc D2, sinh ngày 07/6/2012, anh Ph yêu cầu được nuôi con tên Kiên Thị Ngọc D1, sinh ngày 05/10/2009, để con Kiên Thị Ngọc D2, sinh ngày 07/6/2012 cho chị D nuôi. Phần cấp dưỡng nuôi con anh Ph không yêu cầu.

Về tài sản chung: 01 căn nhà xây mặt dựng, mái tol, vách lá, nền lát gạch bông (cát trên đất ông R, bà D1 là ông, bà nội của anh Ph, diện tích 54m² tọa lạc tại ấp BS, xã ĐC, huyện DH), trị giá căn nhà 60.000.000 đồng. Anh Ph yêu cầu được tiếp tục sử dụng căn nhà và thanh toán lại ½ giá trị là 30.000.000 đồng cho chị D. Các tài sản sinh hoạt trong nhà gồm: 01 tủ nhôm, 01 giường hộp, 01 ti vi và 01 đầu đĩa, 01 bàn inox, 10 ghế mũ, 02 cA lu, 01 cây giếng nước, 01 mô tưa 01 ngựa hiệu cá sấu, anh Ph tự nguyện để cho chị D sử dụng toàn bộ các tài sản này. Đối với bộ salon mẹ ruột anh mua cho nên anh yêu cầu được hưởng bộ salon.

Đối với số tiền 33.000.000 đồng và 5,5 chỉ vàng 24K vợ chồng anh Ph gởi cho mẹ vợ là bà Trầm Thị A, nên anh yêu cầu bà A trả để vợ chồng anh chia đôi số tài sản này.

Về nợ chung: Vợ chồng mua phân bón thiếu ông Châu Thanh H 5.602.000 đồng, anh Ph yêu cầu vợ chồng mỗi người trả ½ số nợ này.

Tại phiên tòa hôm nay anh Ph đồng ý cấp dưỡng nuôi con Kiên Thị Ngọc D2, sinh ngày 07/6/2012, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật và yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con Kiên Thị Ngọc D1, sinh ngày 05/10/2009, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh Ph rút lại phần yêu cầu bà Trầm Thị A trả 33.000.000 đồng và 5,5 chỉ vàng 24K. Còn 04 chỉ vàng 24K mượn của bà A để đặt cọc chuyển nhượng đất của ông bà nội anh thì anh Ph tự thỏa thuận trả cho bà A, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2018, đơn yêu cầu chia tài sản chung ngày 17/8/2018 cũng như tại biên bản H giải ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc D trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chồng chị trình bày là hoàn toàn đúng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì

phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi vẫn đến xô xát nhau rất nhiều lần, mặc dù chị D có khuyên để anh Ph sửa đổi nhưng anh Ph không thay đổi. Đến ngày 10/2/2018 chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay anh Ph yêu cầu ly hôn, chị D đồng ý,

Về con chung: Có hai con tên Kiên Thị Ngọc D1, sinh ngày 05/10/2009 và Kiên Thị Ngọc D2, sinh ngày 07/6/2012. Chị D yêu cầu nuôi con Kiên Thị Ngọc D2, sinh ngày 07/6/2012 và yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con Kiên Thị Ngọc D2 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu D2 đủ 18 tuổi. Còn con Kiên Thị Ngọc D1, sinh ngày 05/10/2009 chị D đồng ý để cho anh Ph nuôi, nhưng chị D không cấp dưỡng nuôi con Kiên Thị Ngọc D1.

Về tài sản chung: 01 căn nhà xây mặt dựng, mái tol, vách lá, nền lát gạch bông (cát trên đất của bà nội anh Ph, diện tích 54m²), anh Ph, chị D thỏa thuận trị giá căn nhà 60.000.000 đồng. Chị D đồng ý để lại cho anh Ph tiếp tục sử dụng căn nhà và yêu cầu anh Ph trả lại ½ giá trị là 30.000.000 đồng cho chị. Các tài sản sinh hoạt trong nhà gồm: 01 tủ nhôm, 01 giường hợp, 01 ti vi hiệu Samsung và 01 đầu đĩa, 01 bàn inox, 10 cA ghế mũ, 02 cA lu, 01 cây giếng nước, 01 mô tua 01 ngựa, hiệu cá sấu, anh Ph tự nguyện để cho chị sử dụng toàn bộ các tài sản này nên chị đồng ý. Đối với bộ salon chị đồng ý để cho anh Ph tiếp tục sử dụng.

Về nợ chung: Trong thời gian vợ chồng sống chung có mua thuốc và phân trồng lúa thiếu ông Châu Thanh H 5.602.000 đồng, nay chị D đồng ý chia đôi, mỗi người trả ½ số nợ này cho ông H.

Đối với số tiền 33.000.000 đồng và 5,5 chỉ vàng 24K mà anh Ph trình bày vợ chồng có gởi cho bà Trầm Thị A (mẹ ruột chị D) là hoàn toàn không có, vợ chồng chị không có gởi tiền vàng gì cho mẹ chị nên chị không có yêu cầu về số tiền và vàng này. Còn 04 chỉ vàng 24K mượn mẹ ruột chị để mua đất của ông, bà nội anh Ph, chị cũng không yêu cầu.

Tại phiên tòa hôm nay chị D tự nguyện để 01 giếng nước và 01 mô tua 01 ngựa hiệu cá sấu cho anh Ph tiếp tục sử dụng.

Cháu Kiên Thị Ngọc D1 trình bày: Khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với cha là anh Kiên Ph.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Tại bản tự khai ngày 26/9/2018 ông Châu Thanh H trình bày: Vào năm 2016 vợ chồng anh Ph, chị D có mua phân bón thiếu của ông với số tiền là 8.602.000 đồng, sau đó chị D có đem trả cho ông được 3.000.000 đồng, còn lại 5.602.000 đồng, nay vợ chồng anh Ph tự nguyện mỗi người trả cho ông 2.801.000 đồng, ông H đồng ý. Tại phiên Tòa hôm nay ông H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn yêu cầu anh Ph, chị D trả cho ông 5.602.000 đồng tiền mua phân bón còn thiếu.

- Bà Trầm Thị A trình bày: Vào năm 2017 bà có hỏi vay tiền mua 04 chỉ vàng 24K để đặt cọc chuyển nhượng phần đất cho vợ chồng anh Ph, 04 chỉ vàng 24K này bà trực tiếp đưa cho bà Thạch Thị D1 và ông Kiên Rinh (ông nội anh Ph chuyển nhượng đất), nay vợ chồng anh Ph ly hôn bà không yêu cầu vợ chồng trả mà bà sẽ khởi kiện yêu cầu bà Thạch Thị D1 và ông Kiên R trả cho bà trong một vụ án khác.

Đối với số tiền 33.000.000 đồng và 5,5 chỉ vàng 24K mà anh Ph trình bày có gởi cho bà là hoàn toàn không có. Nên bà không đồng ý yêu cầu của anh Ph.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2018, ngày 02/11/2018 và đơn xin xét xử vắng mặt Bà Thạch Thị D1 và ông Kiên R trình bày: Vợ chồng ông có chuyển nhượng thửa đất số 2093 và 2097, diện tích 429,7m² tọa lạc tại ấp BS, xã ĐC, huyện DH với giá là 06 chỉ vàng 24K, nhưng mới đặt cọc được 04 chỉ vàng 24K, nay vợ chồng cháu Ph ly hôn nếu căn nhà cháu Ph ở thì phần đất ông, bà đồng ý để cho anh Ph tiếp tục sử dụng, không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; Về thẩm quyền giải quyết đảm bảo theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách các đương sự đảm bảo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải đúng quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96, 97, 98 và Điều 109 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giao thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án tiến hành Hòa giải không thành do đương sự không tự thương lượng thỏa thuận được nên Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Về thời hạn chuẩn bị xét xử và việc gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát đảm bảo quy định tại Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về ý kiến giải quyết vụ án áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 51, 55, 59, 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Kiên Ph và chị Huỳnh Thị Ngọc D. Ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của anh Ph và chị D, anh Ph được quyền nuôi dưỡng cháu Kiên Thị Ngọc D1, chị D được quyền nuôi cháu Kiên Thị Ngọc D2. Về cấp dưỡng anh Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị D để nuôi cháu D2 theo quy định của pháp luật. Chị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Ph để nuôi cháu D1 theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện chia tài sản của anh Ph và chị D theo đó anh Ph được tiếp tục quản lý sử dụng căn nhà cất trên đất của ông Kiên R và bà Thạch Thị D1, anh Ph có trách nhiệm trả lại cho chị D ½ giá trị căn nhà là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Đối với các tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 tủ nhôm, 01 giường hộp, 01 ti vi và 01 đầu đĩa, 01 bàn inox, 10 cA ghế mũ, 02 cA lu chị D được quyền quản lý sử dụng. Anh Ph được quyền quản lý sử dụng bộ salon, và 01 cây giếng nước, 01 mô tua 01 ngựa, hiệu cá sấu. Đình chỉ đối với yêu cầu số tiền 33.000.000 đồng và 5,5 chỉ vàng 24k mà anh Ph cho rằng vợ chồng anh gởi cho bà A và anh Ph yêu cầu được chia đôi. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Ph, chị D và ông

H theo đó anh Ph, chị D mỗi người phải trả cho ông H số tiền 2.801.000 đồng tiền mua phân bón còn thiếu. Về án phí: Do anh Ph và chị Diễm là dân tộc thiểu số sinh sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí do đó anh Ph và chị D không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Kiên Ph và chị Huỳnh Thị Ngọc D tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐC, huyện DH vào ngày 09/3/2009 nên hôn nhân của anh Ph và chị D là hợp pháp. Xét thấy mối quan hệ hôn nhân của anh Ph và chị D chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, anh Ph cho rằng chị D thường điện thoại qua lại với người đàn ông khác, anh Ph không hài lòng và có nhắc nhở chị nhưng chị D không thay đổi nên vợ chồng thường cự cãi, mâu thuẫn trầm trọng hơn và anh thừa nhận có đánh chị D do anh không kèm chế được, vẫn đến chị D về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 02/2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị không gặp nhau để bàn bạc việc đoàn tụ và anh Ph nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên làm đơn xin ly hôn và chị D đồng ý ly hôn anh Ph. Sự thuận tình ly hôn của anh Ph, chị D là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: anh Ph yêu cầu được nuôi cháu Kiên Thị Ngọc D1, sinh ngày 05/10/2009 và cháu có nguyện vọng sống với anh Ph là hoàn toàn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và được Hội đồng xét xử chấp nhận, anh Ph yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con Kiên Thị Ngọc D1, sinh ngày 05/10/2009, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật mỗi tháng 695.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận. Đối với con chung Kiên Thị Ngọc D2, sinh ngày 07/6/2012 anh Ph đồng ý để cho chị D tiếp tục nuôi và chị D yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi cháu D2 mỗi tháng 1.500.000 đồng nhưng anh Ph chỉ đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng 695.000 đồng, vì anh Ph không có nghề nghiệp ổn định, anh Ph làm thuê mỗi tháng thu nhập khoảng 4 triệu, 5 triệu đồng. Theo quy định thì mức cấp dưỡng tối thiểu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản nên anh Ph đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Xét thấy anh Ph và chị D tự thỏa thuận chia căn nhà xây mặt dựng, m² tol, vách lá, nền lát gạch bông (cát trên đất của ông, bà nội anh Ph, diện tích 54m²) với giá trị là 60.000.000 đồng cho anh Ph sử dụng, anh Ph thanh toán lại cho chị D $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 30.000.000 đồng. Các tài sản sinh hoạt trong nhà gồm: 01 tủ nhôm, 01 giường hợp, 01 ti vi, 01 đầu đĩa, 01 bàn inox, 10 ghế mũ, 02 cA lu, anh Ph tự nguyện để cho chị D sử dụng toàn bộ các tài sản này. Đối với bộ salon và 01 cây giếng nước, 01 mô tua 01 ngựa hiệu cá sấu chị D đồng ý để cho anh Ph sử dụng. Các thỏa thuận của anh Ph và chị D là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nợ chung: Anh Ph, chị D thống nhất mỗi người trả cho ông H 2.801.000 đồng tiền mua phần bón còn thiếu. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Ph, chị Diễm.

[5] Xét yêu cầu của ông Châu Thanh H, yêu cầu vợ chồng anh Ph, chị D trả 5.602.000 đồng tiền mua phần bón còn thiếu. Chị D, anh Ph thừa nhận còn thiếu tiền phân bón của ông H 5.602.000 đồng và chị D, anh Ph thống nhất mỗi người trả cho ông H 2.801.000 đồng tiền mua phần bón còn thiếu. Nên yêu cầu của ông H được chấp nhận.

[6] Xét về yêu cầu của anh Ph yêu cầu bà Trầm Thị A trả 33.000.000 đồng tiền mặt và 5,5 chỉ vàng 24K mà anh Ph trình bày có gởi cho bà A. Tại phiên Tòa anh Ph rút lại yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của anh Ph.

[7] Xét về 04 chỉ vàng 24K của bà A, tại bản tự khai ngày 14-11-2018 bà A trình bày 04 chỉ vàng 24K đặt cọc chuyển nhượng đất của vợ chồng ông Kiên R, bà không yêu cầu vợ chồng anh Ph chị D trả vì bà giao vàng cho vợ chồng ông Kiên R nên bà sẽ khởi kiện vợ chồng ông Kiên R ở một vụ án khác, ngoài ra tại phiên tòa anh Ph trình bày anh tự thỏa thuận trả cho bà A 04 chỉ vàng 24k không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét về thửa đất số 2093 và 2097, diện tích 429,7m² tọa lạc tại ấp BS, xã ĐC, huyện DH của ông Kiên R và bà Thạch Thị D1 đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh Ph, chị D và có nhận cọc 04 chỉ vàng 24K, bà D1 ông R đồng ý để cho anh Ph tiếp tục sử dụng thửa đất, không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Anh Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con, án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản và nợ chung theo quy định và chị D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản và nợ chung theo quy định, nhưng anh Ph, chị D có đơn xin miễn nộp án phí lý do thuộc diện là đồng bào thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản và nợ chung, án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ông Châu Thanh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 59, Điều 60, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Kiên Ph và chị Huỳnh Thị Ngọc D.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con của anh Ph và chị D

- Giao con Kiên Thị Ngọc D1, sinh ngày 05/10/2009 cho anh Kiên Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Thị Ngọc D phải đóng góp nuôi con với anh Kiên Ph mỗi tháng với số tiền là 695.000 (sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng cho đến khi cháu Kiên Thị Ngọc D1 đủ 18 tuổi. .

- Giao con Kiên Thị Ngọc D2, sinh này 07/6/2012 cho chị Huỳnh Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Kiên Ph phải đóng góp nuôi con với chị Huỳnh Thị Ngọc Diễm mỗi tháng với số tiền là 695.000 (sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng cho đến khi cháu Kiên Thị Ngọc D2 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Công nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung của anh Kiên Ph và chị Huỳnh Thị Ngọc D:

Anh Kiên Ph được quyền sở hữu căn nhà xây mặt dựng, mA tol, vách lá, nền lát gạch bông (cát trên đất của vợ chồng ông Kiên R, diện tích 54m²), anh Ph thanh toán lại cho chị D số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng (giá trị ½ căn nhà).

Chia cho chị Huỳnh Thị Ngọc D được quyền sử dụng 01 tủ nhôm, 01 giường hộp, 01 ti vi, 01 đầu đĩa, 01 bàn inox, 10 ghế mũ, 02 cA lu.

Chia cho anh Ph được quyền sử dụng bộ salon, 01 cây giếng nước và 01 mô tua 01 ngựa hiệu cá sấu.

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Ph, chị D và ông H. Anh Ph, chị D mỗi người trả cho ông H 2.801.000 (hai triệu tám trăm lẻ một nghìn) đồng tiền mua phân bón.

5. Đình chỉ yêu cầu của anh Kiên Ph yêu cầu bà Trầm Thị A trả 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng và 5,5 (năm phẩy năm) chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

6. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí dân sự sơ thẩm cho anh Kiên Ph; Hoàn trả cho anh Ph tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại lai thu số 0015784 ngày 11/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duyên Hải. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Huỳnh Thị Ngọc D.

Ông Châu Thanh H không phải chịu án phí; Hoàn trả lại cho ông H tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại lai thu số 0015948 ngày 23/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duyên hải.

Án xử sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi đương sự cư trú để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TV;
- VKSND huyện DH;
- CCTHADS huyện DH;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thùy Linh